

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/DS-ST
Ngày 30-8-2023
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Nguyễn Hồng Phong.
2- Ông Bùi Mạnh Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2023/TLST-DS, ngày 15 tháng 6 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Kim T, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Hồ Thị Kim L, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số 97/10 đường Võ Phước Cương, phường A, thành phố T, tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn là bà Lê Kim T trình bày: Ngày 10-12-2018 bà L có vay của bà T số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 10-12-2018 đến ngày 10-3-2019, lãi suất thỏa thuận miệng là 5.000đồng/1.000.000đồng/1ngày. Bà L trực tiếp nhận tiền vay từ bà T, có lập giấy “Hợp đồng vay tiền”, bà L có ghi họ tên và ký tên bên vay. Sau khi vay bà L có trả tiền lãi từ 10-12-2018 đến ngày 10-01-2019 với số tiền là

7.500.000 đồng thì ngưng không trả lãi nữa. Bà T nhiều lần yêu cầu bà L thanh toán tiền nợ cho bà T nhưng bà L không thực hiện. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là bà Hồ Thị Kim L trình bày: Ngày 10-12-2018, bà L có vay của bà T số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn trả tiền là 01 tháng kể từ ngày vay, mục đích vay tiền để bà L cho người khác góp tiền lại, lãi suất thỏa thuận miệng là 10.000đồng/1.000.000đồng/1 ngày tức lãi suất 30%/tháng. Khi vay có lập “Hợp đồng vay tiền” bà L có ký tên ghi họ tên tại mục bên vay. Sau khi vay tiền thì bà L có trả tiền tiền lãi 01 tháng số tiền 15.000.000 đồng cho bà T, đến tháng thứ 2 thì bà L xin bà T cho trả góp, bà T đồng ý cho trả góp mỗi ngày 2.000.000 đồng và góp trong vòng 30 ngày thì hết số tiền vay. Bà L đã góp đủ 30 ngày với số tiền là 60.000.000 đồng nên không còn nợ bà T. Khi trả tiền góp thì bà L trực tiếp đưa cho bà T chứ không làm giấy tờ, khi trả xong bà L có yêu cầu bà T trả lại giấy “Hợp đồng vay tiền” nhưng bà T không trả. Bà T có ghi giấy tay số số tiền góp 60.000.000 đồng của bà L chung với tiền góp của con bà L vì khi trả tiền thì hai người trả chung. Bà L đã trả đủ tiền vay nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, ngoài khoản vay này thì bà L không còn vay khoản tiền nào khác của bà T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn N trình bày: Ông Nhận là chồng của bà T, tiền cho bà L vay là tiền của vợ chồng ông, ông Nhận thống nhất với nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà T, ông Nhận không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, các bên không thỏa thuận được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu bà L trả tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng nhưng bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T như vậy tranh chấp giữa bà T với bà L là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Căn cứ theo Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu trả tiền của nguyên đơn:

[2.1] Bà L và bà T trình bày thống nhất là vào ngày 10-12-2018, bà L có vay của bà T 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay, hai bên có lập hợp đồng vay tiền. Hợp đồng vay có lãi nhưng không ghi lãi suất vào hợp đồng vay, sau khi vay bà L có trả tiền lãi 01 tháng.

[2.2] bà L cho rằng sau khi trả tiền lãi 01 tháng thì bà L xin trả góp, bà T đồng ý cho bà L trả góp mỗi ngày 2.000.000 đồng và thời gian góp là 30 ngày với số tiền là 60.000.000 đồng, bà L đã góp đủ 30 ngày nên không còn nợ bà T. Lời trình bày của bà L không được bà T thừa nhận, bà L không đưa ra tài liệu nào chứng minh đã góp trả tiền cho bà T như lời bà L đã trình bày. Do đó bà T yêu cầu bà L trả 50.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[2.3] Về lãi suất vay, theo bà L trình bày mức lãi suất là 30%/tháng nhưng không có tài liệu chứng minh, còn theo bà T trình bày thì mức lãi suất cho vay là 15%/tháng. Như vậy mức lãi suất mà các bên thỏa thuận cao hơn mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự và theo quy định thì phần lãi suất cao hơn bị vô hiệu, do các bên không có yêu cầu về lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tiền lãi. Hành vi cho vay lãi nặng của bà T cần kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, Hội đồng xét xử không giải quyết về tiền lãi mà chỉ buộc bà L trả tiền gốc vay cho bà T nên không ảnh hưởng đến việc xem xét hành vi cho vay lãi nặng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà L phải chịu tiền án phí là 2.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim T đối với bà Hồ Thị Kim L về hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Hồ Thị Kim L phải trả cho bà Lê Kim T số tiền gốc vay là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng theo giấy vay tiền ngày 10-12-2018.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối số tiền chưa trả, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị Kim L phải chịu 2.500.000 (Hai triệu năm trăm ngàn) đồng.

Bà Lê Kim T không phải chịu án phí, hoàn trả Bà Lê Kim T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng, theo biên lai

thu số 0004001 ngày 13-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

5. Án này xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30-8-2023.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Tiến